

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm mạnh dưới tác động tiêu cực của nhóm cổ phiếu bất động sản và chứng khoán với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

BSR, NTP

[Vĩ mô/Ngành]

Thị trường Trái phiếu, Tiền tệ tháng 10 năm 2023/ Cập nhật diễn biến giá dầu thô

[Cập nhật công ty]

VPB

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng về ngưỡng an toàn trong các nhịp hồi phục sớm

17/11/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,101.19	-2.16
VN30	1,103.53	-2.57
HĐTL VN30F1M	1,105.00	-1.79
HNXIndex	226.54	-1.32
HNX30	474.45	-2.43
UPCoM	86.02	-1.27
USD/VND	24,251	-0.17
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.52	-2
Lãi suất qua đêm (%)	0.27	+3
Dầu (WTI, \$)	73.17	+0.37
Vàng (LME, \$)	1,988.78	+0.40



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,101.19 (-2.16%)
KLGD (triệu CP) 1,175.5 (+112.3%)
GTGD (triệu US\$) 1,003.5 (+64.9%)

TTCK Việt Nam giảm điểm mạnh dưới tác động tiêu cực của nhóm cổ phiếu bất động sản và chứng khoán với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 747.51 tỷ đồng, tập trung tại VHM (-5.4%), STB (-2.8%), MWG (-0.2%).

HNXIndex 226.54 (-1.32%)
KLGD (triệu CP) 147.4 (+24.2%)
GTGD (triệu US\$) 115.9 (+36.9%)

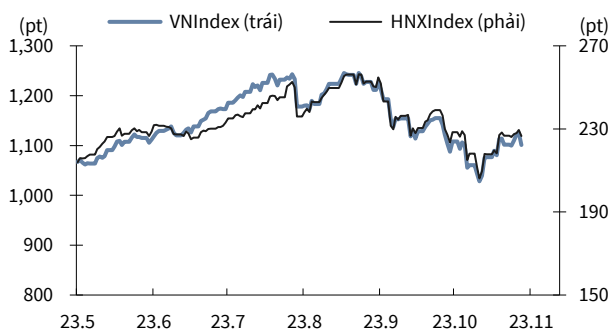
Thông tư 06/2023/TT-NHNN của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2016 đã có hiệu lực từ đầu tháng 9 với những quy định mới về hoạt động cho vay đang gây ra khó khăn, cản trở khách hàng tiếp cận vốn ngân hàng. Cổ phiếu nhóm BĐS giảm giá ở DXG (-3.65%), NVL (-3.88%).

UPCoM 86.02 (-1.27%)
KLGD (triệu CP) 60.6 (+105.3%)
GTGD (triệu US\$) 29.1 (+59.5%)

Kết thúc phiên giao dịch ngày 16/11, giá dầu đã giảm gần 5% xuống mức thấp nhất trong 4 tháng, do các nhà đầu tư lo lắng về nhu cầu dầu toàn cầu sau số liệu từ Mỹ và châu Á. Cổ phiếu nhóm Dầu khí giảm giá ở PVD (-3.3%), PVT (-3.32%).

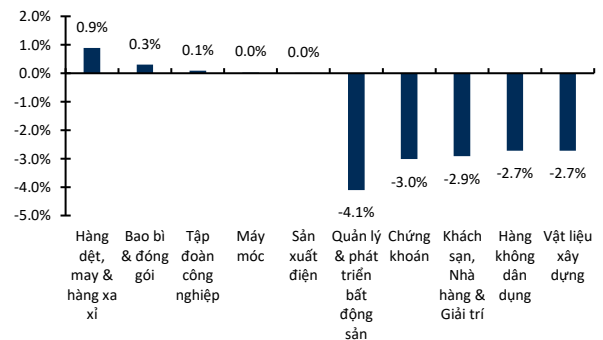
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -32.3

VNIndex & HNXIndex



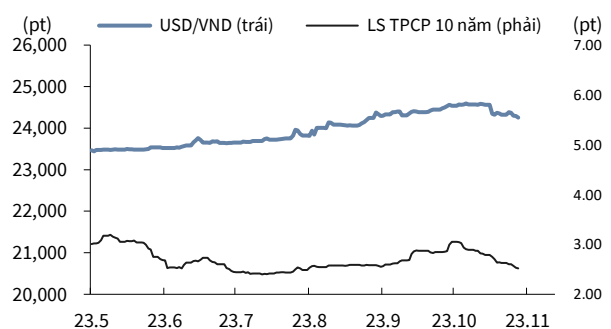
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

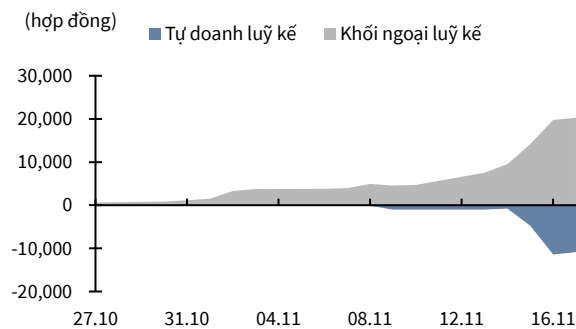
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,103.53 (-2.57%)
VN30F1M	1,105.0 (-1.79%)
Mở cửa	1,142.0
Cao nhất	1,142.0
Thấp nhất	1,095.0
KLGD (HĐ)	359,793 (+51.6%)

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2312 và VN30 mở cửa ở mức cao nhất tại 9.4 điểm, sau đó biến động quanh mức 2 điểm toàn phiên, đóng cửa tại 1.47 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

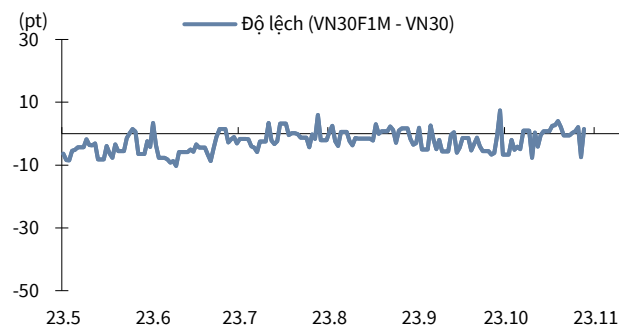
Khối ngoại mua ròng 490 HĐTL VN30F2312 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 20,259 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 504 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 10,917 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



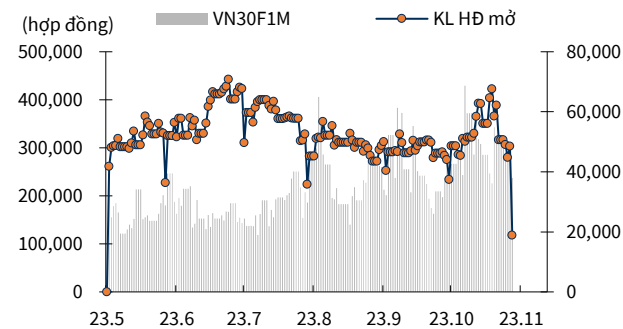
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



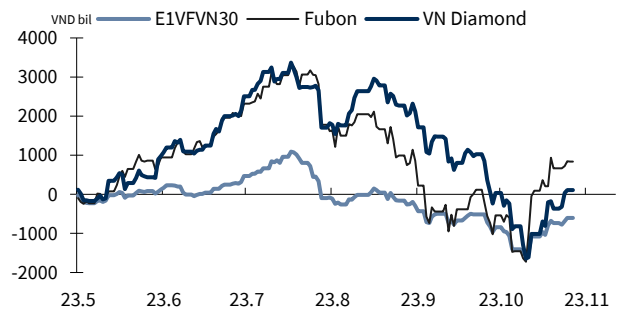
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

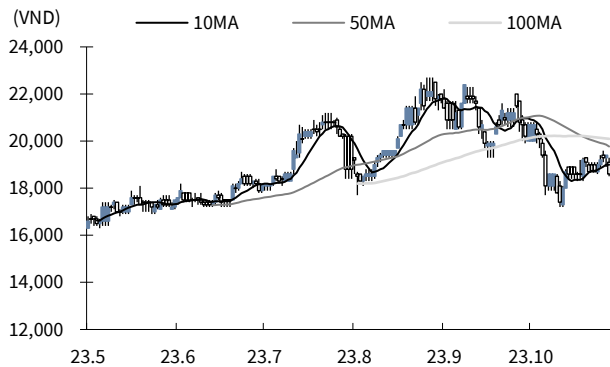
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

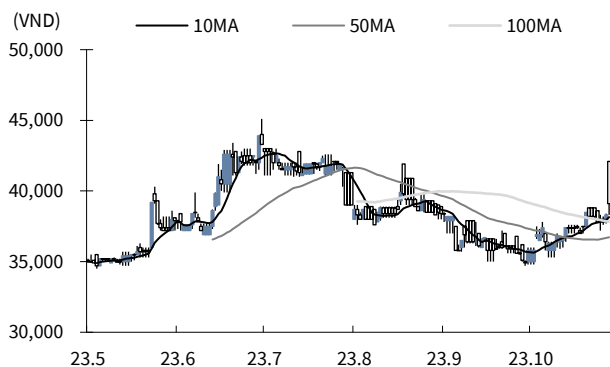
CTCP Lọc hóa Dầu Bình Sơn (BSR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BSR giảm 2.62% xuống còn 18,600 VND/cp
- CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn cho biết tính đến ngày 15/11, công ty đã đạt và vượt tất cả các chỉ tiêu kế hoạch về sản xuất kinh doanh năm 2023. Cụ thể, công ty đã sản xuất 6.7 triệu tấn sản phẩm, đạt 131% kế hoạch năm. Tổng doanh thu đạt 133,400 tỷ đồng, vượt 39% mục tiêu năm và chỉ tiêu lợi nhuận vượt xa kế hoạch năm. Nộp ngân sách nhà nước ước đạt 15,163 tỷ đồng.

CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (NTP)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NTP tăng 2.09% lên 39,100 VND/cp
- CTCP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong vừa chốt ngày 5/12 là ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền, tỷ lệ 15% (1 cổ phiếu nhận được 1,500 đồng). Ngày giao dịch không hưởng quyền là 4/12. Ngày thanh toán dự kiến là 20/12. Với gần 130 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Nhựa Tiền Phong cần chi 195 tỷ đồng trả cổ tức.

16/11/2023

 Trưởng nhóm Nguyễn Anh Tùng
 tungna@kbsec.com.vn

3Q2023, LNTT đạt 3,117 tỷ VND, giảm 30.9% YoY

3Q2023, VPB có thu nhập lãi thuần đạt 8,837 tỷ VND (+2.9% QoQ, +21.8% YoY); TOI đạt 11,262 tỷ VND (-11.9% QoQ, -16.4% YoY). Chi phí trích lập dự phòng giảm so với các quý trước đó, đạt 4,950 tỷ VND (-23.7% QoQ, -8.7% YoY) khiến LNTT đạt 3,117 tỷ VND (+19.3% QoQ, -30.9% YoY). Lũy kế 9M2023, thu nhập lãi thuần đạt 27,133 tỷ VND, giảm 11.7% YoY; LNTT đạt 8,279 tỷ VND, giảm 58.3% YoY.

Chi phí vốn cải thiện trong năm 2024

KBSV kì vọng chi phí vốn của VPB sẽ được cải thiện trong năm 2024 dựa trên: (1) Các khoản huy động khách hàng lãi suất cao giai đoạn 4Q2022 – 1Q2023; (2) Thanh khoản dồi dào, lãi suất huy động đang ở mức thấp; (3) Casa được cải thiện nhờ tăng tỷ trọng cho vay khách hàng doanh nghiệp.

NIM kì vọng hồi phục nhưng không quá mạnh do lãi suất đầu ra cũng sẽ điều chỉnh giảm

Tuy vậy, NIM sẽ không hồi phục quá mạnh trong nửa đầu năm 2024 do lãi suất đầu ra bình quân còn chịu nhiều áp lực: (1) Giảm lãi suất cho vay để tăng cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng; (2) Tăng trưởng tín dụng cá nhân chậm lại so với giai đoạn trước vốn là nhóm khách hàng có lãi suất cho vay cao; (3) Rủi ro từ chất lượng tài sản mới khi tỷ trọng cho vay bất động sản dự án tăng.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 24,500 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VPB. Giá mục tiêu cho năm 2024 là 24,500VND/cp, cao hơn 26.9% so với giá tại ngày 15/11/2023.

MUA Duy trì

Giá mục tiêu VND24,500

Tăng/Giảm	26.9%
Giá hiện tại (15/11/2023)	VND19,950
Giá mục tiêu đồng thuận	VND26,606
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND/tỷ USD)	158,281/6.5

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	63.79
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	407/16.6
Sở hữu nước ngoài (%)	28.62
Cơ cấu cổ đông	SMBC (15.01%)

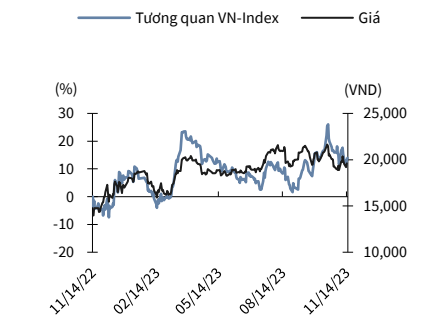
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-2	2	9	33
Tương đối	-6	8	4	14

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2021	2022	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	34,349	41,021	38,546	54,089
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	33,583	43,681	36,835	50,106
LNST (tỷ VND)	11,477	16,909	10,721	14,311
EPS (VNĐ)	2,601	2,694	1,503	1,779
Tăng trưởng EPS (%)	-37%	4%	-44%	18%
PER (x)	7.7	7.4	13.3	11.2
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	19,149	15,349	18,176	19,955
PBR (x)	1.04	1.30	1.10	1.00
ROE (%)	16.5%	17.8%	8.7%	9.5%
Tỷ suất cổ tức (%)	0.00%	0.00%	5.05%	0.00%

Nguồn: Fiinpro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Thị trường tiền tệ tháng 10 năm 2023

Gợn sóng

17/11/2023

Trạng thái thanh khoản tiền Đồng ổn định

- Ngân hàng Nhà nước tiếp tục chào thầu tín phiếu kỳ hạn 28 ngày, hút ròng 114.6 nghìn tỷ đồng trong tháng 10
- Lãi suất liên ngân hàng bật tăng ở các kỳ hạn ngắn nhưng đã hạ nhiệt dần về cuối tháng
- Tỷ lệ trúng thầu và giá trị trái phiếu phát hành tiếp tục suy giảm. Lợi suất TPCP thị trường sơ cấp tăng ở kỳ hạn 5 năm và giảm ở kỳ hạn 10 và 15 năm
- Khối ngoại bán ròng nhẹ trên thị trường thứ cấp

KBSV dự báo mặt bằng lãi suất liên ngân hàng sẽ giảm nhẹ. Lợi suất TPCP tiếp tục duy trì mức thấp và đi ngang trong các tháng tới.

Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp suy giảm trong tháng 10

- Thị trường TPDN ghi nhận 28.1 nghìn tỷ phát hành mới, chiếm phần lớn trong số đó đến từ hoạt động tái cơ cấu nợ của các ngân hàng
- Lượng trái phiếu đáo hạn giảm xuống rất thấp trong 2 tháng cuối năm

Tỷ giá liên ngân hàng tăng mạnh

- Tỷ giá liên ngân hàng bật tăng 260bps lên 24,565 trong khi tỷ giá bán ra tại VCB phản ứng mạnh hơn

KBSV giữ nguyên dự báo tỷ giá thời điểm cuối năm tại 24,460 USD/VND. NHNN sẽ chưa có động thái can thiệp trong ngắn hạn khi lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát và nền kinh tế cần tiếp tục được hỗ trợ bởi chính sách tiền tệ.

17/11/2023

Chuyên viên phân tích Phạm Minh Hiếu
hieupm@kbsec.com.vn

Dầu khí

Cập nhật nhanh diễn biến giá dầu thô

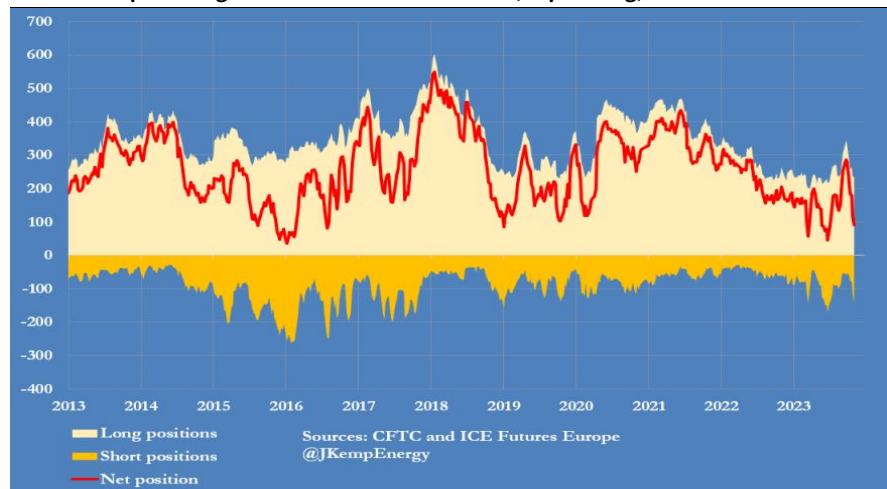
Diễn biến giá dầu thô Brent:

— Trong phiên giao dịch ngày 16/11, giá dầu Brent giảm mạnh 4.6% xuống mức 77.42 USD/thùng. Chúng tôi nhận thấy có 4 lý do chính giải thích cho đà giảm sâu của giá dầu trong thời gian gần đây: (1) Sản lượng lọc dầu (refinery throughput) của Trung Quốc suy yếu, báo hiệu sự suy giảm nhu cầu tiêu thụ dầu thô; (2) Chính sách điều hòa của FED đã thâm thấu vào nền kinh tế Mỹ, khiến cho các chỉ số vĩ mô suy yếu; (3) Tồn kho xăng dầu và sản lượng khai thác dầu thô của Mỹ cao hơn dự kiến; và (4) Tâm lý tiêu cực trên thị trường giao dịch dầu thô (vị thế ròng giảm từ 286 triệu thùng xuống 90 triệu thùng trong 6 tuần gần đây).

Quan điểm:

— Cán cân cung-cầu đang không có lợi cho giá dầu thô trong ngắn hạn, đặt biệt trong giai đoạn thấp điểm cuối năm 2023. Chúng tôi cho rằng giá dầu Brent vẫn sẽ duy trì trên 70 USD/thùng như đã đề cập trong Báo cáo chiến lược 4Q2023, nhưng sẽ rất khó để tăng trở lại mức cao trong tháng 10/2023 nếu không có cú sốc nào xảy ra. Nhà đầu tư nên cẩn trọng khi giao dịch các cổ phiếu có hoạt động kinh doanh tương quan mạnh với giá dầu thô như BSR, GAS. Các cổ phiếu như PVD, PVS tuy thuộc nhóm thượng nguồn, nhưng KQKD kỳ vọng vẫn sẽ được hỗ trợ tốt nhờ (1) lượng backlog hợp đồng lớn và (2) triển vọng khai thác nội địa tích cực trong năm 2024.

Biểu đồ 1. Vị thế ròng trên dầu WTI NMYMEX ICE+ (triệu thùng)



Nguồn: John Kemp – Thomson Reuters

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau những nỗ lực tăng điểm bất thành trong phiên, VNIndex dần suy yếu và lao dốc mạnh về cuối phiên.
- Việc chỉ số đảo chiều giảm điểm mạnh trong phiên cùng thanh khoản gia tăng đột biến cho thấy những tín hiệu của một phiên phân phối điển hình và khiến cho trạng thái thị trường trở nên tiêu cực hơn. Với xu hướng giảm điểm vẫn đóng vai trò chủ đạo trong trung hạn, VNIndex đang phải đối mặt với rủi ro mở rộng nhịp giảm điểm xuống các vùng hỗ trợ, gần là 108x và sâu hơn là 1065 (+-10), nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng về ngưỡng an toàn trong các nhịp hồi phục sớm.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1120 – 1124

Kháng cự gần: 1110 – 1114

Hỗ trợ gần: 1092 – 1095

Hỗ trợ xa: 1186 – 1088

- Sau những nỗ lực tăng điểm bất thành trong phiên, F1 dần suy yếu và lao dốc mạnh về cuối phiên.
 - Việc chỉ số đảo chiều giảm điểm mạnh trong phiên cùng thanh khoản gia tăng đột biến cho thấy phe bán hoàn toàn chiếm ưu thế và khiến cho trạng thái thị trường trở nên tiêu cực hơn. Với xu hướng giảm điểm vẫn đóng vai trò chủ đạo trong trung hạn, F1 đang phải đối mặt với rủi ro mở rộng nhịp giảm điểm xuống các vùng hỗ trợ, gần là 109x và sâu hơn là 1065 (+-10), nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy.
 - Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.
 - Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT quanh các ngưỡng kháng cự.
- Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

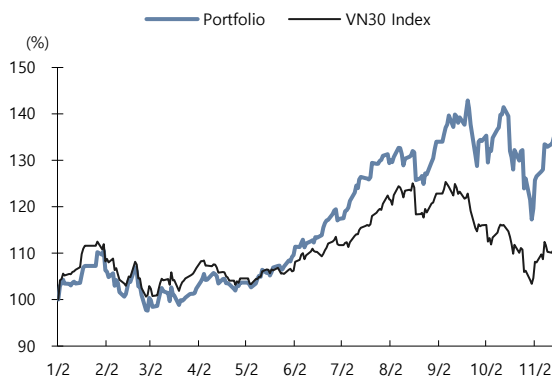
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-2.57%	-1.22%
Tăng lũy kế (YTD)	9.78%	34.66%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 17/11/2023	Up/down (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	01/11/2023	31,500	-2.5%	16.0%	- Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
Phu Nhuận (PNJ)	01/11/2023	78,900	1.2%	9.6%	- PNJ đạt KQKD quý 3 tích cực bất chấp sức mua suy yếu nhờ việc chiếm lĩnh thị phần - Kỳ vọng sức mua cải thiện trong quý 4 - mùa tiêu dùng cao điểm của ngành trang sức
Kinh Bắc (KBC)	02/10/2023	31,450	0.8%	-2.6%	- Kỳ vọng ghi nhận doanh số cho hơn 160ha đất KCN trong năm nay - Trảng Duệ 3 dự kiến hoàn thành pháp lý trong năm nay và ghi nhận doanh thu cho thuê bắt đầu từ 2024
Deo Ca Infrastructure (HHV)	01/11/2023	15,250	-2.2%	13.0%	- Backlog 4000 tỷ cuối 3Q23, tương đương doanh thu mảng xây lắp giai đoạn 2021-2022 - BOT Hữu Nghị - Chi Lăng khi hoàn thành sẽ giúp tăng lưu lượng xe - Kỳ vọng nhận hỗ trợ 2,280 tỷ VND cho dự án hầm đường bộ Đèo Cả
ACB (ACB)	01/11/2023	22,700	-2.6%	5.1%	- Sau khi dịch chuyển cơ cấu tín dụng sang nhóm KHDN lớn, ACB kỳ vọng tín dụng sẽ tăng tốc trong thời gian tới - Kỳ vọng tỷ lệ hình thành nợ xấu sẽ giảm trong 2 quý tới, giảm bớt gánh nặng trích lập
Nhon Trach 2 (NT2)	01/11/2023	24,500	-1.8%	7.2%	- Kỳ vọng điện khí khả quan hơn từ 4Q23 khi A0 tăng cường huy động từ cuối tháng 9 - Giá khí đầu vào của NT2 hiện đã hạ nhiệt đáng kể so với mức trung bình 2022 - NT2 sẽ kết thúc quá trình đại tu sau 3Q2023
Hoa Sen Group (HSG)	01/11/2023	21,450	-0.7%	21.2%	- Kênh xuất khẩu hỗ trợ doanh thu - Biên lợi nhuận gộp kỳ vọng cải thiện sớm nhờ đã đẩy hết lượng hàng tồn kho giá cao - Cơ cấu tài chính an toàn
VietinBank (CTG)	01/11/2023	29,700	-1.8%	8.4%	- Tăng trưởng tín dụng kỳ vọng đạt 12% trong năm 2023 - Giá chiết khấu sâu so với định giá
FPT (FPT)	01/11/2023	91,000	-2.2%	6.6%	- Triển vọng tích cực được dẫn dắt bởi mảng CNTT - Mảng viễn thông và giáo dục duy trì tăng trưởng tích cực
Vinamilk (VNM)	01/11/2023	70,000	-0.4%	-0.6%	- Biên lợi nhuận gộp tiếp tục cải thiện - Thị phần cải thiện nhờ chiến dịch thay đổi nhận diện thương hiệu

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NKG	1.2%	11.8%	33.1
BMP	1.1%	84.6%	19.3
OCB	-2.1%	14.1%	16.6
CTG	-1.8%	27.2%	16.0
GMD	-1.6%	48.9%	15.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-5.4%	23.6%	-180.8
STB	-2.8%	24.3%	-85.9
MWG	-0.2%	45.3%	-64.5
FUESSVFL	-1.6%	93.4%	-64.5
VCB	-2.7%	23.5%	-55.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-0.8%	1.6%	9.7
CEO	-3.0%	5.2%	1.1
MBS	-4.2%	0.6%	0.6
L14	-2.8%	0.5%	0.2
EVS	1.1%	0.4%	0.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-2.7%	21.7%	-32.2
TNG	-3.6%	20.3%	-3.9
PLC	-2.6%	1.4%	-1.5
VCS	0.2%	2.8%	-0.8
MST	0.0%	0.6%	-0.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	3.3%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Xây dựng và kỹ thuật	3.0%	DIG, HDG, VCG, PC1
Bán lẻ hàng chuyên dụng	2.9%	MWG, FRT, CTF, HAX
Cơ sở hạ tầng & vận tải	2.0%	GMD, LGC, CII, HAH
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	1.9%	TNH, JVC, VMD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-5.1%	AST, VNG, DSN, DAH
Quản lý & phát triển bất động sản	-3.5%	VHM, VIC, NVL, BCM
Tiện ích điện	-3.3%	PGV, NT2, PPC, TTA
Hàng không dân dụng	-3.2%	VJC, HVN
Thiết bị điện	-1.0%	GEX, SAM, CAV, RAL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	6.2%	HPG, HSG, NKG, KSB
Cơ sở hạ tầng & vận tải	2.6%	GMD, LGC, CII, HAH
Xây dựng và kỹ thuật	2.6%	DIG, HDG, VCG, PC1
Hàng không dân dụng	2.5%	VJC, HVN
Máy móc	0.9%	TCH, HHS, SRF, SHA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	-13.8%	VSC, VOS, SKG, VTO
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-12.1%	AST, VNG, DSN, DAH
Dược	-10.4%	DHG, IMP, TRA, DBD
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-10.2%	PLX, PGC, CNG, GSP
Tiện ích khí	-9.4%	GAS, PGD, PMG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	266,006 (10.9)	22.5	33.4	146.8	14.7	4.2	0.9	1.4	1.4	-6.4	-6.1	-4.1	-21.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	311,417 (12.7)	26.6	4.9	5.0	35.9	21.1	18.6	1.0	0.8	-5.3	-7.9	-12.5	-18.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	128,637 (5.3)	17.8	12.2	11.8	-7.6	12.0	11.3	1.4	1.3	-4.4	-4.8	-15.6	-13.3
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	388,269 (15.9)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	0.9	0.9	-3.9	0.6	17.1	15.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	44,915 (1.8)	11.6	23.9	23.7	13.7	8.5	7.9	1.8	1.8	-1.6	0.5	6.4	30.8
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	362,828 (14.8)	13.9	68.2	37.9	-	3.7	3.4	1.3	1.2	-3.6	0.0	20.7	55.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	104,006 (4.3)	6.3	14.6	12.3	11.7	21.6	20.8	2.8	2.3	-2.7	-0.5	-0.3	26.4
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	37,404 (1.5)	12.7	11.0	8.7	-5.3	18.7	19.6	1.8	1.5	-1.9	1.7	3.9	11.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	121,225 (5.0)	0.0	6.1	4.8	14.3	14.7	15.8	0.8	0.7	-1.7	0.3	-1.9	20.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	88,087 (3.6)	1.4	7.8	6.8	50.3	16.2	17.3	1.1	1.0	-1.8	1.0	3.8	9.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	240,102 (9.8)	0.0	11.6	8.9	18.8	9.6	11.6	1.1	1.0	-3.0	-1.3	-15.0	7.8
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	146,937 (6.0)	0.0	4.7	4.0	14.6	26.0	25.4	1.0	0.8	-1.6	1.1	0.6	22.4
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	160,868 (6.6)	4.2	5.9	4.5	23.3	22.7	23.8	1.2	1.0	-2.4	-1.9	5.4	33.4
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	531,746 (21.7)	14.0	7.8	5.0	26.5	18.0	23.0	1.2	1.0	-2.8	-0.5	-2.2	30.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	90,377 (3.7)	0.0	5.0	4.2	37.4	17.1	17.7	1.1	0.9	-2.9	0.0	3.0	12.4
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	134,100 (5.5)	0.2	16.8	10.2	27.3	7.7	11.4	1.5	1.3	-2.6	4.8	8.1	-5.8
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	12,852 (0.5)	21.0	16.8	16.5	15.8	8.6	8.4	1.5	1.4	-1.1	0.6	-1.7	-12.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	2,762 (0.1)	14.2	-	-	9.1	13.4	-	-	-	-0.5	-1.6	-6.5	10.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	771,371 (31.5)	55.4	22.4	20.1	-3.2	9.1	8.8	2.1	2.0	-2.5	2.3	0.2	78.0
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	289,152 (11.8)	71.9	34.2	24.7	-4.0	7.9	10.8	2.7	2.7	-2.9	1.1	5.9	73.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	156,975 (6.4)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-3.0	-0.7	2.3	43.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	448,958 (18.4)	27.2	17.7	17.4	36.3	9.3	9.3	1.7	1.6	-3.6	1.0	1.3	50.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	171,515 (7.0)	42.1	18.3	15.6	4.0	28.2	30.6	4.6	4.3	-0.4	0.6	-6.4	-8.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	40,317 (1.6)	36.9	17.9	16.1	7.3	18.8	19.4	3.2	2.9	-0.8	2.1	-8.9	-23.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	132,319 (5.4)	16.5	56.3	28.6	-51.9	3.9	11.7	3.4	3.0	-2.9	3.9	-9.7	-31.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	6,323 (0.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.8	3.3	-1.6	-10.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	98,537 (4.0)	11.0	86.6	24.9	-88.5	4.4	11.5	3.7	3.2	-2.8	-3.2	2.5	-3.7
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	90,754 (3.7)	10.8	11.4	19.5	-57.0	29.7	12.5	2.4	2.2	-1.5	1.6	9.2	54.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	162,194 (6.6)	38.4	34.0	21.7	65.7	2.4	3.8	0.8	0.8	-1.7	0.9	5.9	32.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	374,866 (15.3)	37.7	31.2	23.2	-14.4	4.8	6.5	1.5	1.4	-3.6	-1.1	6.9	74.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	105,770 (4.3)	3.6	19.2	17.2	-52.4	3.9	4.0	0.6	0.6	-1.6	-1.6	21.1	151.3
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	22,568 (0.9)	0.0	9.5	7.9	-4.5	14.4	14.8	1.2	1.1	0.2	1.0	-5.8	-6.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	41,595 (1.7)	46.1	14.7	15.2	-17.5	19.4	17.4	2.8	2.6	-1.6	0.0	-7.6	-7.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	12,345 (0.5)	31.4	18.6	12.7	-10.5	8.5	15.7	-	-	-1.8	-2.6	0.2	-15.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,067 (0.0)	34.1	13.6	7.4	-5.1	6.7	11.7	0.8	0.8	0.0	0.7	-2.5	6.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	599,402 (24.5)	18.0	24.1	12.3	21.9	6.7	11.8	1.5	1.4	-2.6	0.0	6.9	47.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	100,549 (4.1)	36.5	11.1	8.9	-0.5	7.9	9.9	1.0	1.0	-2.7	2.2	-13.6	-23.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	143,744 (5.9)	46.5	13.5	8.2	-4.5	11.2	18.4	1.4	1.3	-2.8	1.1	-10.0	17.2
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	236,203 (9.7)	38.9	19.2	19.3	67.9	6.5	8.7	1.2	1.1	-0.7	3.9	19.2	91.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	23,734 (1.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.2	2.3	3.4	36.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	24,740 (1.0)	4.6	14.3	12.6	-51.0	11.4	12.2	1.6	1.5	-2.8	0.4	-6.9	5.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	166,225 (6.8)	39.9	30.2	13.7	-11.9	4.4	7.8	1.0	1.0	-3.3	-1.5	-2.2	47.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	122,338 (5.0)	35.9	8.6	7.7	2.2	15.3	14.6	1.2	1.1	-3.3	0.6	-11.6	12.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	455,454 (18.6)	0.0	45.1	15.1	14.4	2.3	10.1	2.5	2.3	-0.2	5.1	-10.6	-3.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	34,753 (1.4)	0.0	15.2	13.0	2.4	19.1	19.8	2.8	2.5	1.2	3.8	-0.3	-12.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	7,904 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-3.7	-6.1	-6.6	74.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	54,072 (2.2)	30.3	-	28.4	-75.2	-12.4	23.8	6.8	5.6	-0.6	-0.4	8.9	71.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	15,192 (0.6)	34.6	12.8	15.8	41.2	15.2	12.2	1.9	1.8	-1.3	0.6	-5.1	18.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,209 (0.1)	45.4	12.0	11.3	10.7	25.4	23.8	2.8	2.4	-1.3	-0.2	-12.2	22.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	238,481 (9.7)	0.0	18.3	14.9	15.5	27.0	28.2	4.7	4.7	-2.2	-0.5	-2.3	36.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

